Chi tiết mã HS 7019.11.00

Mã HS	7019.11.00
Mô tả hàng hóa	Sợi thủy tinh (kể cả len thủy tinh) và các sản phẩm của nó (ví dụ, sợi xe (yarn), sợi thô, vải dệt thoi) / - Cúi sợi (sliver), sợi thô, sợi xe (yarn) và sợi bện đã cắt đoạn và chiếu (mat) làm từ chúng: / - - Sợi bện đã cắt đoạn, chiều dài không quá 50 mm
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	04/11/2026 22:39:08
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/70191100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10563
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10563
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q10563
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	1.7	1,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E10054
ATIGA	2022	2022	0	AT!E10005
ATIGA	2023	2023	0	AT!F10005
ATIGA	2024	2024	0	AT!G10005
ATIGA	2025	2025	0	AT!H10005
ATIGA	2026	2026	0	AT!I10005
ATIGA	2027	2027	0	AT!J10005
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E10057
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F10057

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G10057
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H10057
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I10057
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J10057
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E10058
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F10058
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G10058
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H10058
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I10058
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J10058
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F10059
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H10011
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F10017
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G10017
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H10017
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I10017
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J10017
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K10017
VKFTA	2022	2022	0	VK!E10042
VKFTA	2023	2023	0	VK!F10042
VKFTA	2024	2024	0	VK!G10042
VKFTA	2025	2025	0	VK!H10042
VKFTA	2026	2026	0	VK!I10042
VKFTA	2027	2027	0	VK!J10042
VCFTA	2022	2022	3	VC!D10089
VCFTA	2023	2023	3	VC!E10089

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F10089
VCFTA	2025	2025	0	VC!G10089
VCFTA	2026	2026	0	VC!H10089
VCFTA	2027	2027	0	VC!I10089
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D10080
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E10080
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F10080
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G10080
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H10080
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I10080
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D10080
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E10080
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F10080
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G10080
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H10080
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I10080
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D10091
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E10091
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F10091
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G10091
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H10091
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I10091
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D10090
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E10090
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F10090
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G10090

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H10090
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I10090
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D10037
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E10037
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F10037
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G10037
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H10037
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I10037
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J10037
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D10074
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E10074
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F10074
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G10074
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H10074
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I10074
RCEP B	2022	2022	0	B!D10074
RCEP B	2023	2023	0	B!E10074
RCEP B	2024	2024	0	B!F10074
RCEP B	2025	2025	0	B!G10074
RCEP B	2026	2026	0	B!H10074
RCEP B	2027	2027	0	B!I10074
RCEP C	2022	2022	0	C!D10074
RCEP C	2023	2023	0	C!E10074
RCEP C	2024	2024	0	C!F10074
RCEP C	2025	2025	0	C!G10074
RCEP C	2026	2026	0	C!H10074

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I10074
RCEP D	2022	2022	0	D!D10073
RCEP D	2023	2023	0	D!E10073
RCEP D	2024	2024	0	D!F10073
RCEP D	2025	2025	0	D!G10073
RCEP D	2026	2026	0	D!H10073
RCEP D	2027	2027	0	D!I10073
RCEP E	2022	2022	0	E!D10077
RCEP E	2023	2023	0	E!E10077
RCEP E	2024	2024	0	E!F10077
RCEP E	2025	2025	0	E!G10077
RCEP E	2026	2026	0	E!H10077
RCEP E	2027	2027	0	E!I10077
RCEP F	2022	2022	0	F!D10074
RCEP F	2023	2023	0	F!E10074
RCEP F	2024	2024	0	F!F10074
RCEP F	2025	2025	0	F!G10074
RCEP F	2026	2026	0	F!H10074
RCEP F	2027	2027	0	F!I10074
VIFTA	2024	2024	2,6	VI!F9310
VIFTA	2025	2025	2.1	VI!G9310
VIFTA	2026	2026	1.7	VI!H9310
VIFTA	2027	2027	1.3	VI!I9310

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7019.11.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 7019.11.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10563), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.